

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

Bản Pá Công, Xã Huồi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	7
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	8 - 29



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

Bản Pá Công, Xã Huổi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2403000107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 16/6/2006, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 20 ngày 19/11/2021 với mã số doanh nghiệp 5500271984.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NORTH-WEST ELECTRIC INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT-STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: NEDEN., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 20 ngày 19/11/2021 là: 405.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm lẻ năm tỷ đồng chẵn*).

Trụ sở chính của Công ty: Bản Pá Công, Xã Huổi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch của Công ty tại: Tầng 6, tòa nhà Golden Field, số 24 đường Nguyễn Cơ Thạch, phường cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên Sàn UpCOM với mã NED.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Huyền	Chủ tịch
Ông Trần Đức Hậu	Thành viên độc lập
Ông Dương Văn Quyền	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Bùi Thị Vân	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Trà	Thành viên
Bà Đặng Thị Huyền	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/6/2023)
Bà Trần Thùy Linh	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 26/6/2023)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Dương Văn Quyền	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Kim Cương	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/7/2023)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện đã nêu tại mục 7.1 - Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

Bản Pá Công, Xã Huổi Mốt, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Dương Văn Quyền

Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 16 tháng 8 năm 2023

Số: 247/2023/BCSX- CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc, được lập ngày 16 tháng 8 năm 2023, từ trang 04 đến trang 29, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Nguyễn Thị Mai Hoa****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 06/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2023	01/01/2023
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		21.155.328.427	14.946.565.180
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	909.240.435	155.903.728
1. Tiền	111		909.240.435	155.903.728
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.318.802.597	12.593.929.045
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	6.523.216.985	8.337.562.549
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		66.179.350	159.456.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	11.729.406.262	4.096.910.496
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	1.452.923.262	1.952.452.839
1. Hàng tồn kho	141		1.452.923.262	1.952.452.839
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		474.362.133	244.279.568
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	474.362.133	244.279.568
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		653.716.392.438	670.507.987.011
II. Tài sản cố định	220		429.303.916.879	436.127.372.365
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	429.303.916.879	436.127.372.365
- Nguyên giá	222		606.647.558.631	606.647.558.631
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(177.343.641.752)	(170.520.186.266)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	-	-
- Nguyên giá	228		360.000.000	360.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(360.000.000)	(360.000.000)
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	211.019.450.680	218.700.879.771
1. Đầu tư vào công ty con	251		101.800.000.000	101.800.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		99.000.000.000	80.500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		31.050.000.000	55.050.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(20.830.549.320)	(18.649.120.229)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		13.393.024.879	15.679.734.875
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	13.393.024.879	15.679.734.875
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		674.871.720.865	685.454.552.191

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2023	01/01/2023
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		218.642.290.668	229.531.561.213
I. Nợ ngắn hạn	310		50.764.870.668	47.960.061.213
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	5.240.838.470	3.576.531.010
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	2.588.934.709	2.963.167.414
4. Phải trả người lao động	314		589.659.391	1.173.861.902
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	264.706.167	420.194.555
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	4.705.113.907	4.870.588.308
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	35.426.160.000	32.947.160.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.949.458.024	2.008.558.024
II. Nợ dài hạn	330		167.877.420.000	181.571.500.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	167.877.420.000	181.571.500.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		456.229.430.197	455.922.990.978
(400 = 410)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	456.229.430.197	455.922.990.978
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		405.000.000.000	405.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>405.000.000.000</i>	<i>405.000.000.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.545.454.545	2.545.454.545
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		48.683.975.652	48.377.536.433
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>48.377.536.433</i>	<i>23.007.525.693</i>
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>306.439.219</i>	<i>25.370.010.740</i>
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		674.871.720.865	685.454.552.191
(440 = 300+400)				

Sơn La, ngày 16 tháng 8 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Hằng

Nguyễn Thị Thu Hằng

Dương Văn Quyền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	31.778.838.915	40.083.301.221
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		31.778.838.915	40.083.301.221
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	15.211.952.714	12.492.959.613
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		16.566.886.201	27.590.341.608
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.368.831	1.834.357
7. Chi phí tài chính	22	6.4	13.650.073.040	10.461.339.192
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>11.468.643.949</i>	<i>10.535.510.186</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	2.517.658.087	2.132.390.039
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		400.523.905	14.998.446.734
11. Thu nhập khác	31	6.6	39.232.755	-
12. Chi phí khác	32	6.6	89.341.776	642.998.200
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(50.109.021)	(642.998.200)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		350.414.884	14.355.448.534
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	43.975.665	1.499.844.673
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		306.439.219	12.855.603.861

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hằng

Sơn La, ngày 16 tháng 8 năm 2023

Tổng Giám đốc



Dương Văn Quyền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		350.414.884	14.355.448.534
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		6.823.455.486	6.863.865.086
- Các khoản dự phòng	03		2.181.429.091	(74.170.994)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.368.831)	(1.834.357)
- Chi phí lãi vay	06		11.468.643.949	10.535.510.186
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước				
3. thay đổi vốn lưu động	08		20.822.574.579	31.678.818.455
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.764.106.307)	(8.200.960.485)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		499.529.577	(74.562.325)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		855.160.766	3.117.587.236
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.056.627.431	2.255.261.136
- Tiền lãi vay đã trả	14		(11.544.132.337)	(21.597.879.826)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(351.588.588)	(13.928.745.353)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		39.232.755	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(59.100.000)	(176.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.554.197.876	(6.926.481.162)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(18.500.000.000)	(1.310.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		24.000.000.000	13.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.368.831	1.834.357
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.501.368.831	11.691.834.357
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(11.215.080.000)	(3.556.080.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(87.150.000)	(753.405.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.302.230.000)	(4.309.485.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		753.336.707	455.868.195
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	155.903.728	227.443.725
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	909.240.435	683.311.920

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hằng



Dương Văn Quyền

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2403000107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 16/6/2006, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 20 ngày 19/11/2021 với mã số doanh nghiệp 5500271984.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NORTH-WEST ELECTRIC INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT - STOCK COMPANY.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 20 ngày 19/11/2021 là: 405.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm lẻ năm tỷ đồng chẵn*).

Tên viết tắt: NEDEN., JSC.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã NED.

Trụ sở chính của Công ty: Bản Pá Công, Xã Huổi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, Việt Nam.

Số lượng người lao động của Công ty tại ngày 30/6/2023 là 39 người (tại ngày 31/12/2022 là 40 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

- Đầu tư xây lắp công trình thủy điện vừa và nhỏ;
- Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao Thông, thủy lợi, các công trình điện;
- Và một số ngành nghề kinh doanh khác theo Đăng ký kinh doanh.

1.3 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2023, Công ty có các đơn vị phụ thuộc như sau:

Công ty có các Công ty con, liên doanh liên kết như sau:

	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con					
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La	Bản Pá Công, xã Huổi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	Kinh doanh điện năng	99,77%	99,77%	99,77%
Công ty liên kết					
Công ty TNHH đầu tư Trường Đại Lộc	679 Quang Trung, Quảng Thịnh, Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng và kinh doanh khu công nghiệp	49,38%	49,38%	49,38%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt niên độ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Hệ thống đập Nhà máy Thủy điện	47 - 48
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Tổ máy phát điện	47 - 48
Máy móc thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

TSCĐ vô hình là phần mềm tin học được khấu hao trong 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời gian bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 60 tháng.

Chi phí khác phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng thời gian không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, người mua trả tiền trước và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí khác: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở hợp đồng, khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán điện và doanh thu khác (doanh thu bán chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính CERs, ...).

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cung cấp điện được ghi nhận dựa trên “Biên bản xác nhận chỉ số công tơ và sản lượng điện năng” hàng tháng với Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu tài chính và thu nhập khác

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Ưu đãi thuế

Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án Đầu tư các nhà máy Thủy điện trên địa bàn tỉnh Sơn La có địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định 118/2015/NĐ-CP của Chính phủ do đó được hưởng các ưu đãi về mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Điều 15 Luật đầu tư số 67/2014/QH13:

- Áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ năm 2009 (từ năm 2009 đến hết năm 2023)
- Miễn thuế 4 năm kể từ năm 2009 (từ năm 2009 đến hết năm 2012)
- Giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2013 đến hết năm 2021).

Năm 2023 là năm thứ năm thứ 15 Công ty được hưởng mức thuế TNDN là 10% và hết thời gian được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp đối với thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng khoản đầu tư không được hưởng ưu đãi trên.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh điện năng và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	893.124.117	104.044.932
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.116.318	51.858.796
Tổng	909.240.435	155.903.728

5.2 Phải thu khách hàng

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	6.523.216.985	8.337.562.549
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	6.523.216.985	8.337.562.549
Tổng	6.523.216.985	8.337.562.549

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.3 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	11.729.406.262	-	4.096.910.496	-
Tạm ứng	11.106.773.462	-	4.089.910.496	-
Ký cược, ký quỹ	138.874.500	-	7.000.000	-
Tiền cấp quyền khai thác TNN phải thu TCT Điện lực miền Bắc	451.395.500	-	-	-
Phải thu khác	32.362.800	-	-	-
Tổng	11.729.406.262	-	4.096.910.496	-

5.4 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	429.371.114	-	429.371.114	-
Công cụ, dụng cụ	1.023.552.148	-	1.523.081.725	-
Tổng	1.452.923.262	-	1.952.452.839	-

5.5 Chi phí trả trước

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	474.362.133	244.279.568
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	466.712.133	-
Chi phí bảo hiểm	-	228.979.568
Chi phí chờ phân bổ khác	7.650.000	15.300.000
Dài hạn	13.393.024.879	15.679.734.875
Phí tư vấn giá trị Rers (Dự án Nậm Công, Nậm Sỏi)	946.620.005	1.003.990.913
Chi phí trùng tu sửa chữa lớn các nhà máy	6.315.906.331	8.337.150.566
Chi phí gia công thiết bị cơ khí phục vụ NMTĐ Nậm Công, Nậm Sỏi	2.679.221.008	2.328.751.004
Chi phí nạo vét lòng hồ NMTĐ Nậm Sỏi	1.158.351.256	1.396.684.588
Chi phí cấp Giấy phép sử dụng nước mặt	307.657.204	345.440.134
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	1.972.028.811	2.238.589.070
Chi phí dự toán, khảo sát nhà máy	13.240.264	29.128.600
Tổng	13.867.387.012	15.924.014.443

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.6 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2023	417.344.906.143	185.971.467.533	2.359.480.000	971.704.955	606.647.558.631
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2023	417.344.906.143	185.971.467.533	2.359.480.000	971.704.955	606.647.558.631
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2023	113.163.841.191	55.706.118.114	688.181.676	962.045.285	170.520.186.266
Tăng trong kỳ	4.456.045.488	6.163.900.283	196.623.336	9.659.670	10.826.228.777
Khấu hao trong kỳ	4.456.045.488	2.161.126.992	196.623.336	9.659.670	6.823.455.486
Phân loại lại	-	4.002.773.291	-	-	4.002.773.291
Giảm trong kỳ	4.002.773.291	-	-	-	4.002.773.291
Phân loại lại	4.002.773.291	-	-	-	4.002.773.291
Số dư tại 30/6/2023	113.617.113.388	61.870.018.397	884.805.012	971.704.955	177.343.641.752
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2023	304.181.064.952	130.265.349.419	1.671.298.324	9.659.670	436.127.372.365
Tại 30/6/2023	303.727.792.755	124.101.449.136	1.474.674.988	-	429.303.916.879

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/6/2023 là 429.303.916.879 đồng (tại thời điểm ngày 31/12/2022 là 436.127.372.365 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm ngày 30/6/2023 là 8.983.192.191 đồng (tại thời điểm ngày 31/12/2022 là 8.928.746.736 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	<u>Phần mềm tin học</u>	<u>Tổng</u>
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2023	360.000.000	360.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2023	<u>360.000.000</u>	<u>360.000.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2023	360.000.000	360.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2023	<u>360.000.000</u>	<u>360.000.000</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2023	-	-
Tại 30/6/2023	<u>-</u>	<u>-</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm ngày 30/6/2023 là 360.000.000 đồng (tại thời điểm ngày 31/12/2022 là 360.000.000 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ		30/6/2023			01/01/2023		
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con			101.800.000.000		(20.815.388.394)	101.800.000.000		(18.633.959.303)
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La	99,77%	99,77%	101.800.000.000		(20.815.388.394)	101.800.000.000		(18.633.959.303)
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			99.000.000.000		(15.160.926)	80.500.000.000		(15.160.926)
Công ty TNHH đầu tư Trường Đại Lộc (*)	49,38%	49,38%	99.000.000.000		(15.160.926)	80.500.000.000		(15.160.926)
Đầu tư vào đơn vị khác			31.050.000.000		-	55.050.000.000		-
Công ty Cổ phần Hoàng Long Mộc Châu	15,00%	15,00%	31.050.000.000		-	31.050.000.000		-
Công ty Cổ phần Shisho Việt Nam (**)			-		-	24.000.000.000		-
Tổng			231.850.000.000	(***)	(20.830.549.320)	237.350.000.000	(***)	(18.649.120.229)

(*): Thực hiện đầu tư theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT ngày 10/3/2023 về việc thông qua phương án mua thêm phần vốn góp tại Công ty TNHH Đầu tư Trường Đại Lộc. Số vốn góp sau khi thực hiện mua thêm là 99.000.000.000 đồng, tương đương 49,38% vốn điều lệ.

(**): Công ty thực hiện thoái vốn theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 10/03/2023 của Hội đồng Quản trị; Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 001/2023/NED-TTL ngày 10/03/2023 về việc chuyển nhượng 2.400.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Shisho Việt Nam cho bà Trần Thùy Linh. Theo biên bản thanh lý hợp đồng ngày 16/3/2023, các bên đã hoàn thành việc chuyển nhượng với giá trị chuyển nhượng là 24.000.000.000 đồng, lợi nhuận từ chuyển nhượng cổ phần ghi nhận trong kỳ là 0 đồng.

(***) Tại ngày lập báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.9 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	5.240.838.470	5.240.838.470	3.576.531.010	3.576.531.010
Công ty TNHH CN nặng quảng phát Nam Ninh	2.371.573.930	2.371.573.930	2.371.573.930	2.371.573.930
Swiss Carbon Assets Ltd	1.606.221.336	1.606.221.336	-	-
Phải trả người bán khác	1.263.043.204	1.263.043.204	1.204.957.080	1.204.957.080
Tổng	5.240.838.470	5.240.838.470	3.576.531.010	3.576.531.010

Trong đó:

Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH CN nặng quảng phát Nam Ninh	2.371.573.930	2.371.573.930	2.371.573.930	2.371.573.930
Tổng	2.371.573.930	2.371.573.930	2.371.573.930	2.371.573.930

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2023
	Phải nộp	2.963.167.414	4.779.604.922	5.153.837.627
Thuế giá trị gia tăng	1.551.284.925	2.253.864.196	2.440.236.911	1.364.912.210
Thuế thu nhập doanh nghiệp	351.588.588	43.975.665	351.588.588	43.975.665
Thuế thu nhập cá nhân	253.372.262	33.080.388	29.680.457	256.772.193
Thuế tài nguyên	290.680.739	1.019.087.339	1.036.300.309	273.467.769
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	516.240.900	1.291.962.664	1.158.396.692	649.806.872
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	137.634.670	137.634.670	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.11 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Thuê kênh trắng Viettel	13.636.364	13.636.364
Lãi vay phải trả	251.069.803	326.558.191
Chi phí trích trước khác	-	80.000.000
Tổng	264.706.167	420.194.555

5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	4.705.113.907	4.870.588.308
Kinh phí công đoàn	361.485.256	354.893.475
Phải trả công tác Đảng	77.004.904	77.004.904
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	740.363.637	845.363.637
Phải trả tiền cổ tức	3.317.439.000	3.404.589.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	208.821.110	188.737.292
Tổng	4.705.113.907	4.870.588.308

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Bản Pá Công, xã Huồi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.13 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	30/6/2023		Phát sinh trong kỳ		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	35.426.160.000	35.426.160.000	12.222.080.000	9.743.080.000	32.947.160.000	32.947.160.000
a.1) Vay ngắn hạn	-	-	-	1.400.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000
- Vay cá nhân	-	-	-	1.400.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000
<i>Trần Thùy Linh</i>	-	-	-	1.400.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000
a.2) Vay dài hạn đến hạn trả	35.426.160.000	35.426.160.000	12.222.080.000	8.343.080.000	31.547.160.000	31.547.160.000
(1) Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Công	31.656.000.000	31.656.000.000	9.972.000.000	5.363.000.000	27.047.000.000	27.047.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	20.041.000.000	20.041.000.000	5.108.000.000	4.256.000.000	19.189.000.000	19.189.000.000
<i>Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTĐ (1.1)</i>	<i>19.961.000.000</i>	<i>19.961.000.000</i>	<i>5.068.000.000</i>	<i>4.170.000.000</i>	<i>19.063.000.000</i>	<i>19.063.000.000</i>
<i>Hợp đồng số 02/2012/HĐTĐNC (1.2)</i>	<i>80.000.000</i>	<i>80.000.000</i>	<i>40.000.000</i>	<i>86.000.000</i>	<i>126.000.000</i>	<i>126.000.000</i>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình	11.615.000.000	11.615.000.000	4.864.000.000	1.107.000.000	7.858.000.000	7.858.000.000
<i>Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTĐ (1.1)</i>	<i>11.353.000.000</i>	<i>11.353.000.000</i>	<i>4.732.000.000</i>	<i>823.000.000</i>	<i>7.444.000.000</i>	<i>7.444.000.000</i>
<i>Hợp đồng số 02/2012/HĐTĐNC (1.2)</i>	<i>262.000.000</i>	<i>262.000.000</i>	<i>132.000.000</i>	<i>284.000.000</i>	<i>414.000.000</i>	<i>414.000.000</i>
(2) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Sỏi	3.390.000.000	3.390.000.000	2.060.000.000	2.790.000.000	4.120.000.000	4.120.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	1.150.000.000	1.150.000.000	940.000.000	1.670.000.000	1.880.000.000	1.880.000.000
<i>Hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTĐ (2.1)</i>	<i>1.150.000.000</i>	<i>1.150.000.000</i>	<i>940.000.000</i>	<i>1.670.000.000</i>	<i>1.880.000.000</i>	<i>1.880.000.000</i>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	2.240.000.000	2.240.000.000	1.120.000.000	1.120.000.000	2.240.000.000	2.240.000.000
<i>Hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTĐ (2.1)</i>	<i>2.120.000.000</i>	<i>2.120.000.000</i>	<i>1.060.000.000</i>	<i>1.060.000.000</i>	<i>2.120.000.000</i>	<i>2.120.000.000</i>
<i>Hợp đồng số 02/2012/HĐTĐNS (2.2)</i>	<i>120.000.000</i>	<i>120.000.000</i>	<i>60.000.000</i>	<i>60.000.000</i>	<i>120.000.000</i>	<i>120.000.000</i>
(3) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đông Đô	380.160.000	380.160.000	190.080.000	190.080.000	380.160.000	380.160.000
<i>Hợp đồng số 220321-6366794-01-SME</i>	<i>380.160.000</i>	<i>380.160.000</i>	<i>190.080.000</i>	<i>190.080.000</i>	<i>380.160.000</i>	<i>380.160.000</i>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Bản Pá Công, xã Huồi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.13 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	30/6/2023		Phát sinh trong kỳ		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b) Vay dài hạn	167.877.420.000	167.877.420.000	-	13.694.080.000	181.571.500.000	181.571.500.000
(1) Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Công	59.155.540.000	59.155.540.000	-	9.972.000.000	69.127.540.000	69.127.540.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	35.791.515.000	35.791.515.000	-	5.108.000.000	40.899.515.000	40.899.515.000
Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTĐ (1.1)	35.767.515.000	35.767.515.000	-	5.068.000.000	40.835.515.000	40.835.515.000
Hợp đồng số 02/2012/HĐTĐNC (1.2)	24.000.000	24.000.000	-	40.000.000	64.000.000	64.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình	23.364.025.000	23.364.025.000	-	4.864.000.000	28.228.025.000	28.228.025.000
Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTĐ (1.1)	23.049.485.000	23.049.485.000	-	4.732.000.000	27.781.485.000	27.781.485.000
Hợp đồng số 02/2012/HĐTĐNC (1.2)	314.540.000	314.540.000	-	132.000.000	446.540.000	446.540.000
(2) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Sỏi	108.057.400.000	108.057.400.000	-	3.532.000.000	111.589.400.000	111.589.400.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	55.856.000.000	55.856.000.000	-	2.412.000.000	58.268.000.000	58.268.000.000
Hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTĐ (2.1)	55.856.000.000	55.856.000.000	-	2.412.000.000	58.268.000.000	58.268.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	52.201.400.000	52.201.400.000	-	1.120.000.000	53.321.400.000	53.321.400.000
Hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTĐ (2.1)	48.683.400.000	48.683.400.000	-	1.060.000.000	49.743.400.000	49.743.400.000
Hợp đồng số 02/2012/HĐTĐNS (2.2)	3.518.000.000	3.518.000.000	-	60.000.000	3.578.000.000	3.578.000.000
(3) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đông Đô	664.480.000	664.480.000	-	190.080.000	854.560.000	854.560.000
Hợp đồng số 220321-6366794-01-SME	664.480.000	664.480.000	-	190.080.000	854.560.000	854.560.000
Tổng	203.303.580.000	203.303.580.000	12.222.080.000	23.437.160.000	214.518.660.000	214.518.660.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Bản Pá Công, xã Huồi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.13 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(1) Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Công

(1.1) Hợp đồng tín dụng số 01/2009/NC-HĐTD ngày 08/9/2009 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La, Chi nhánh Ba Đình do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối, bao gồm các điều khoản chính sau:

- Hạn mức vay tối đa: 183.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự Án Thủy điện Nậm Công;
- Thời hạn vay: 192 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 3 tháng một lần.

(1.2) Hợp đồng tín dụng số 02/2012/HĐTDNC ngày 29/6/2012 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La, Chi nhánh Ba Đình do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối, bao gồm các điều khoản sau:

- Hạn mức vay tối đa: 15.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Nậm Công.
- Thời hạn vay: kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết thời hạn vay theo Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTD (16/9/2025)
- Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 03 tháng một lần.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Nhà máy thủy điện Nậm Công là toàn bộ máy móc thiết bị, công trình xây dựng của nhà máy thủy điện Nậm Công và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư với dự án. Giá trị tài sản thế chấp được định giá đến ngày 01/7/2015 là 275.000.000.000 VND. Trong đó phân bổ cho các Ngân hàng tham gia tài trợ vốn như sau:

<u>Ngân hàng</u>	<u>Động sản</u>	<u>Bất động sản</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La (56%)	36.400.000.000	117.600.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình (44%)	28.600.000.000	92.400.000.000
Tổng	65.000.000.000	210.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.13 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(2) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Sỏi

(2.1) Hợp đồng tín dụng số 01/2009/NS-HĐTD ngày 08/9/2009 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La, Chi nhánh Thanh Xuân do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối và Hợp đồng số 01/2013/NS-HĐTD ngày 29/3/2013 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân bao gồm các điều khoản chính sau:

- Hạn mức vay tối đa của hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTD là 167.000.000.000 VND; Hạn mức vay tối đa của hợp đồng số 01/2013/NS-HĐTD là 10.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Nậm Sỏi;
- Thời hạn vay: kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết thời hạn vay các hợp đồng 01/2009/NS-HĐTD và 01/2013/NS-HĐTD (15/03/2026);
- Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 3 tháng một lần.

(2.2) Hợp đồng tín dụng số 02/2012/NS-HĐTD ngày 29/6/2012 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La bao gồm các điều khoản chính sau:

- Hạn mức vay tối đa: 6.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Dùng để cơ cấu lại tài chính (vay lãi nhập gốc);
- Thời hạn vay: kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày 15/3/2026;
- Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 3 tháng một lần.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Nhà máy thủy điện Nậm Sỏi là toàn bộ máy móc thiết bị, công trình xây dựng của nhà máy thủy điện Nậm Sỏi và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư với dự án. Giá trị tài sản thế chấp được định giá đến ngày 01/7/2015 là 225.000.000.000 VND. Trong đó phân bổ cho các Ngân hàng tham gia tài trợ vốn như sau:

<u>Ngân hàng</u>	<u>Động sản</u>	<u>Bất động sản</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La (52%)	23.400.000.000	93.600.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình (48%)	21.600.000.000	86.400.000.000
Tổng	45.000.000.000	180.000.000.000

(3) Hợp đồng cho vay số 220321-6366794-01-SME ngày 23/3/2021 tại Hà Nội giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đông Đô với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc số tiền cho vay là 1.900.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: 60 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Mục đích sử dụng: Thanh toán một phần tiền mua 02 xe ô tô theo Hợp đồng mua bán số 0103-05/2021/HĐMB-TG ngày 01/03/2021. Lãi suất cho vay và cơ chế điều chỉnh lãi suất được thỏa thuận theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của Khách hàng theo trong từng Khế ước nhận nợ. Biện pháp bảo đảm: Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 220321-6366794-01-SME/TC ngày 23/3/2021 là 2 xe ô tô nhãn hiệu Ford.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.14 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	Tổng
Số dư tại 01/01/2022	405.000.000.000	2.545.454.545	23.007.525.693	430.552.980.238
Lãi trong năm trước	-	-	25.370.010.740	25.370.010.740
Số dư tại 31/12/2022	405.000.000.000	2.545.454.545	48.377.536.433	455.922.990.978
Số dư tại 01/01/2023	405.000.000.000	2.545.454.545	48.377.536.433	455.922.990.978
Lãi trong kỳ này	-	-	306.439.219	306.439.219
Số dư tại 30/6/2023	405.000.000.000	2.545.454.545	48.683.975.652	456.229.430.197

(*) Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Cổ tức từ Lợi nhuận sau thuế của năm 2022 chưa được ghi nhận là Nợ phải trả số tiền 20.250.000.000 đồng do Công ty ghi nhận khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ý chứng khoán Việt Nam.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Tập đoàn Hoàng Long	6.062.000.000	22.275.000.000
Ông Dương Văn Quyền	21.000.000.000	-
Ông Trần Văn Huyền	27.417.000.000	22.275.000.000
Các cổ đông khác	350.521.000.000	360.450.000.000
Tổng	405.000.000.000	405.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	405.000.000.000	405.000.000.000
Vốn góp tại cuối kỳ	405.000.000.000	405.000.000.000
Cổ tức đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	30/6/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.500.000	40.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.500.000	40.500.000
Cổ phiếu phổ thông	40.500.000	40.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.500.000	40.500.000
Cổ phiếu phổ thông	40.500.000	40.500.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	24.817.918.483	40.083.301.221
Doanh thu chứng chỉ CERs	6.960.920.432	-
Tổng	31.778.838.915	40.083.301.221

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Giá vốn điện thương phẩm	13.849.510.385	12.492.959.613
Giá vốn chứng chỉ CERs	1.362.442.329	-
Tổng	15.211.952.714	12.492.959.613

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lãi tiền gửi	1.368.831	1.834.357
Tổng	1.368.831	1.834.357

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lãi tiền vay	11.468.643.949	10.535.510.186
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư	2.181.429.091	(74.170.994)
Tổng	13.650.073.040	10.461.339.192

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.517.658.087	2.132.390.039
Chi phí nhân viên quản lý	1.346.232.250	1.089.300.020
Chi phí vật liệu quản lý	6.358.432	27.092.716
Chi phí đồ dùng văn phòng	47.341.516	8.283.013
Chi phí khấu hao TSCĐ	206.283.006	494.592.234
Thuế phí và lệ phí	22.346.256	20.440.799
Chi phí dịch vụ mua ngoài	605.794.881	443.651.475
Chi phí bằng tiền khác	283.301.746	49.029.782
Tổng	2.517.658.087	2.132.390.039

6.6 Thu nhập khác, chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ bán chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính Nhà máy Thủy điện Nậm Chiến	39.232.755	-
Tổng	39.232.755	-
Chi phí khác		
Lệ phí nộp cho Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam	89.341.776	-
Chậm nộp thuế, bảo hiểm	-	31.430.000
Các khoản bị phạt liên quan đến nghĩa vụ thuế	-	356.568.200
Chi phí khác	-	255.000.000
Tổng	89.341.776	642.998.200
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(50.109.021)	(642.998.200)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.7 Thuê thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	350.414.884	14.355.448.534
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh thông thường	350.414.884	14.355.448.534
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	89.341.780	642.998.200
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>89.341.780</i>	<i>642.998.200</i>
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	439.756.664	14.998.446.734
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động thông thường	439.756.664	14.998.446.734
Hoạt động kinh doanh thông thường	10%	10%
	43.975.665	1.499.844.673
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế		

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.558.597.984	2.794.299.053
Chi phí nhân công	3.603.958.170	3.427.304.710
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.823.455.486	6.863.865.086
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.237.057.143	1.184.482.469
Chi phí khác bằng tiền	506.542.018	355.398.334
Tổng	17.729.610.801	14.625.349.652

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và Công ty liên quan

Theo Báo cáo số 04/BC-HLG ngày 12/7/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Tập đoàn Hoàng Long, Công ty Cổ phần Đầu tư Tập đoàn Hoàng Long đã chuyển nhượng thành công 2.227.500 cổ phiếu và không là Cổ đông lớn của Công ty.

Theo Báo cáo số 01/BC-TVH ngày 13/07/2023 của ông Trần Văn Huyền - Chủ tịch HĐQT, số lượng cổ phiếu giao dịch mua thành công là 518.050 cổ phiếu. Ông Trần Văn Huyền sở hữu 2.745.550 cổ phiếu, chiếm 6,78% vốn điều lệ.

Theo Thông báo số 03/BC-DVQ ngày 18/07/2023 của ông Dương Văn Quyền - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty đăng ký bán 1.980.000 cổ phiếu của Công ty. Thời gian thực hiện giao dịch từ 21/07/2023 đến 20/08/2023. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, các giao dịch chuyển nhượng cổ phần của ông Dương Văn Quyền đang được thực hiện.

Theo Báo cáo số 02/BC-TVH ngày 26/07/2023 của ông Trần Văn Huyền - Chủ tịch HĐQT, số lượng cổ phiếu đăng ký mua là 1.500.000 cổ phiếu. Thời gian thực hiện giao dịch từ 31/07/2023 đến 30/08/2023. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, các giao dịch chuyển nhượng cổ phần của ông Trần Văn Huyền đang được thực hiện.

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7.2 Giao dịch các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Tập đoàn Hoàng Long	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Trường Đại Lộc	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hoàng Long Mộc Châu	Tổ chức liên quan người nội bộ
Công ty Cổ phần Shisho Việt Nam	Tổ chức liên quan người nội bộ

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt

Ảnh hưởng đáng kể

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Giao dịch với các thành viên chủ chốt

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND</u>	<u>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND</u>
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	Thu nhập	561.247.724	657.485.217

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND</u>	<u>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND</u>
Ông Dương Văn Quyền	Thành viên HĐQT kiêm TGD	Mua cổ phần	21.000.000.000	-

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hằng

Sơn La, ngày 16 tháng 8 năm 2023

 Tổng Giám đốc

 Dương Văn Quyền